

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN G
TỈNH ĐIỆN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2022

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị H

Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị M - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/7/2022 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: Bản Phiêng H, xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản Phiêng H, xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

Anh D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2022, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Cà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lường Văn D chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến ngày 23/10/2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà S, huyện Tuần G, tỉnh Điện B. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra cãi vã, anh D còn uống rượu, đánh đập chị T nhiều lần, đuổi chị ra khỏi nhà. Hai bên gia đình nội ngoại đã đến hòa giải song tình trạng hôn nhân vợ chồng anh chị vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản Phiêng H, xã Mường Kh, huyện Tuần G từ năm 2020. Từ đó đến nay anh chị

không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lương Văn D.

Về quan hệ con chung: Chị T, anh D có 02 con chung: Cháu thứ nhất Lương Văn T, sinh ngày 07/02/2011, cháu thứ 2 Lương Thị C, sinh ngày 29/10/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp được nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, trả nợ lấy về: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án ngày 11/7/2022, sau khi Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh D, mặc dù có đăng ký thường trú tại địa phương song anh D không có mặt tại địa phương, hiện đã đi làm thuê, thỉnh thoảng mới về, không báo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm rõ anh D làm gì và cụ thể ở đâu nên không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh D. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh D vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 02/8/2022, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh D vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh D và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 02/8/2022, chị Cà Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022 và đã niêm yết theo quy định của pháp luật, anh D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 23/9/2022, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai. Anh Lương Văn D vắng mặt lần 2 không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị Cà Thị T được ly hôn với anh Lương Văn D theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình: Đề nghị giao hai cháu Lương Văn T, sinh ngày 07/02/2011 và Lương Thị C, sinh ngày 29/10/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chấp nhận việc chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị T là người dân tộc thiểu số sinh ng tại

địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần G theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Cà Thị T và anh Lương Văn D kết hôn ngày 23/10/2012 đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 06/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn qua lời trình bày của chị Tỉnh do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra cãi vã, anh D còn uống rượu, đánh đập chị T nhiều lần, đuổi chị ra khỏi nhà dẫn đến tình cảm anh chị không còn nữa, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2020 cho đến nay, anh chị, không có quan hệ sinh lý và tình cảm gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh D song anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh D đã không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh D đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 02/8/2022, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/7/2022 tại bản Phiêng H, xã Mường Kh, huyện Tuần G thể hiện về nguyên nhân mâu thuẫn giống như lời trình bày của chị Tỉnh, chị T đã sống ly thân với anh D từ năm 2020 cho đến nay.

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh D không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, song qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định lời khai của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng là có thật khiến chị T phải sống ly thân, tình cảm giữa chị T, anh D không còn nữa. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gắn gũi,

thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã thực sự trầm trọng, việc chị T xin ly hôn với anh D cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét nguyện vọng về con chung: Anh chị có 02 con chung: Cháu thứ nhất Lường Văn T, sinh ngày 07/02/2011, cháu thứ 2 Lường Thị C, sinh ngày 29/10/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Theo lời khai của chị T và theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì chị T và hai cháu hiện ở cùng ông bà ngoại, có chỗ ở ổn định, thu nhập vừa làm ruộng vừa làm thuê có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, anh D cũng vừa làm ruộng vừa đi làm thuê song thu nhập địa phương không nắm rõ. Tại tờ khai nguyện vọng cháu Lường Văn T và cháu Lường Thị C có nguyện vọng được ở với chị T. Do anh T không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm, nguyện vọng về phần nuôi con chung, anh Tỉnh đã tự từ bỏ các quyền của mình. HĐXX căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu T và cháu C, nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của chị T. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao hai cháu Lường Văn T, sinh ngày 07/02/2011 và cháu Lường Thị C, sinh ngày 29/10/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, trả nợ lấy về: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Cà Thị T được ly hôn với bị đơn anh Lường Văn D.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lường Văn T, sinh ngày 07/02/2011 và Lường Thị C, sinh ngày 29/10/2013 cho chị Cà Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, anh Lường Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị T, anh Lường Văn D được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện B;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Nà Sáy (Nơi KĐKH);
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Đình H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền Bạc Thị Hồng

Lê Đình Hà

